

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày 09 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Doanh**

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Loan**

2. Bà **Triệu Thị Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông tham gia phiên tòa: Ông **Phương Quốc Thành** và bà **Hoàng Thị Minh Phong** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 27/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 25/4/2023 đối với bị cáo:

Lường Hướng D (tên gọi khác: Không); sinh ngày 07/5/1989 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn T và bà Triệu Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 06 - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPHC ngày 19/10/2022 của Công an thị trấn P xử phạt bị cáo 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 26/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND thị trấn P, bị cáo cai nghiện tự nguyện tại gia đình thời gian 03 tháng; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 04/10/2022 của Công an thị trấn P xử phạt bị cáo cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 11/10/2022 của Công an thị trấn P xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 23/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch UBND thị trấn P, cai nghiện tại gia đình thời gian 03 tháng; Quyết

định xử phạt vi phạm hành chính số 363/QĐ-XPHC ngày 23/11/2022 của Công an huyện B xử phạt bị cáo 3.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; nhân thân: Ngày 06/12/2022 bị UBND phường H, thành phố B xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 23/11/2022; bị tạm giam từ ngày 20/02/2023 cho đến nay - Có mặt.

* Bị hại: **Triệu Thị T**, sinh năm 1965; Trú tại: Thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1973; Trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người làm chứng: **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1997; Trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 25/11/2022, Lương Hương D (sinh năm 1989; Trú tại thôn C, thị trấn P, huyện B) đi bộ từ ngôi nhà gỗ sang nhà xây của gia đình (hai nhà liền kề nhau) ở thôn C, thị trấn P, huyện B. D đi vào nhà qua phòng khách đến trước cửa phòng ngủ của bà Triệu Thị T (sinh năm 1965; trú tại thôn C, thị trấn P, huyện B) là mẹ đẻ của D, thấy phòng ngủ không đóng cửa và phát hiện trên đầu giường có 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus cũ, màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, điện thoại đã qua sử dụng. Lúc này, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D quan sát thấy không có ai trong nhà nên đi vào phòng ngủ lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần dài bên phải đang mặc rồi đi ra khỏi nhà. Sau đó, D đi bộ ra phố N, thị trấn P, huyện B với mục đích tìm nơi bán điện thoại trộm cắp được. D đi đến cửa hàng điện thoại MC do anh Nguyễn Minh C (sinh năm 1997; trú tại phố N, thị trấn P, huyện B) làm chủ cửa hàng. D đưa điện thoại cho anh C và đọc mật khẩu mở màn hình để C mở điện thoại kiểm tra. Kiểm tra xong máy do không đăng xuất được tài khoản Icloud nên C không mua. Dương cầm chiếc điện thoại đến cửa hàng sửa chữa xe máy ĐH do ông Nguyễn Đức H (sinh năm 1973; trú tại phố N, thị trấn P, huyện B) làm chủ cửa hàng. Tại đây, D mở màn hình chiếc điện thoại, đưa cho ông H xem và nói điện thoại là của mình. Sau khi xem xong, ông H trả giá chiếc điện thoại với giá 500.000 đồng và D đồng ý. Sau khi bán được điện thoại, D đón xe khách xuống thành phố B chi tiêu hết số tiền trên.

Ngày 25/11/2022, bà Triệu Thị T đã làm đơn trình báo cơ quan chức năng đề nghị giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Bạch Thông kết luận: Tại thời điểm tháng 11/2022, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng có giá 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 27/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông truy tố Lương Hường D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- + Tuyên bố bị cáo Lương Hường D phạm: “Tội trộm cắp tài sản”.

- + Xử phạt bị cáo Lương Hường D từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/02/2023.

- Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, công việc và thu nhập không ổn định nên không đề nghị áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Nguyễn Đức H số tiền 500.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Triệu thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màn hình cảm ứng, mặt trắng màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

Bị hại yêu cầu trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, không yêu cầu bồi thường. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Đức H yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bản thân, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định: Vì vụ lợi nên khoảng 8 giờ ngày 25/11/20022, tại nhà bà Triệu Thị T thuộc thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Lương Hường D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng của bà Triệu Thị T có giá 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Hành vi của bị cáo được thực hiện khi bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 27/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông truy tố Lương Hường D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật trong đó có hành vi trộm cắp tài sản, có nhân thân xấu. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có ông ngoại là Triệu Quang Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có bà ngoại là Nông Thị N được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra cho xã hội, xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần buộc bị cáo đi cải tạo tại cơ sở giam giữ một thời gian nhất định mới đảm bảo tính giáo dục cho bị cáo, tính răn đe và phòng chống tội phạm trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: Bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng.

[4]. Đối với hành vi mua tài sản trộm cắp của ông Nguyễn Đức H nhưng khi mua ông H không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với ông H là đúng pháp luật,

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Triệu Thị T không có yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức H yêu cầu hoàn trả số tiền 500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí hoàn trả số tiền cho ông H nên cần buộc bị cáo hoàn trả số tiền 500.000 đồng cho ông H.

[6]. Vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng là tài sản của bị hại Triệu Thị T cần trả lại cho bà T.

- Số tiền 500.000 đồng là tiền do D bán tài sản trộm cắp được đã chi tiêu cá nhân hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

[7]. Về án phí: Bị cáo không thuộc đối tượng miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lương Hương D phạm: “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lương Hương D 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/02/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ 48 Bộ luật hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lương Hương D phải hoàn trả cho ông Nguyễn Đức H số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

“Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

- Vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Triệu Thị T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 27/3/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bạch Thông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông).

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Bị cáo Lương Hương D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện Bạch Thông;
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Chi cục THADS huyện Bạch Thông;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Doanh